

# MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ Ở VIỆT NAM

PGS.TS. Nguyễn Nguyên Cự

Trường Đại học Hòa Bình

Tác giả liên hệ: [nncu@daihochoabinh.edu.vn](mailto:nncu@daihochoabinh.edu.vn)

Ngày nhận: 27/5/2023

Ngày nhận bản sửa: 05/6/2023

Ngày duyệt đăng: 26/6/2023

## Tóm tắt

Phát triển nông nghiệp hữu cơ là một trong những giải pháp quan trọng để phát triển nông nghiệp bền vững. Đây đang là xu thế phát triển tất yếu ngành nông nghiệp của nhiều nước trên thế giới và Việt Nam. Bài viết tập trung làm rõ những vấn đề cơ bản về nông nghiệp hữu cơ, thực trạng và giải pháp phát triển nông nghiệp hữu cơ tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Nông nghiệp hữu cơ, thực trạng và giải pháp phát triển.

## Solutions for Developing Organic Agriculture in Vietnam

Assoc. Prof. Dr. Nguyen Nguyen Cu

Hoa Binh University

Corresponding author: [nncu@daihochoabinh.edu.vn](mailto:nncu@daihochoabinh.edu.vn)

## Abstract

The development of organic agriculture is seen as a crucial solution for promoting sustainable agricultural practices. It represents an inevitable trend in the agricultural industry of numerous countries around the world, including Vietnam. This article aims to elucidate fundamental aspects of organic agriculture, as well as the current status and potential solutions for its development in Vietnam. Specifically, it delves into the clarifications of essential issues related to organic agriculture, and highlights strategic solutions to promote the adoption and growth of organic agricultural practices in Vietnam.

**Keywords:** Organic agriculture, current status and development solutions.

## 1. Đặt vấn đề

Nhiều thập kỷ qua, nền nông nghiệp thế giới, trong đó có Việt Nam đã lạm dụng quá nhiều hóa chất trong bón phân, bảo vệ thực vật, các chất kích thích tăng trưởng, kháng sinh trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy hải sản. Vì vậy, nền nông nghiệp đang đứng trước những hậu quả to lớn, đó là: Đất đai bạc màu, kiệt quệ dinh dưỡng; Nguồn nước bị ô nhiễm; Suy giảm đa dạng sinh học; Bùng phát sâu bệnh do sâu bệnh ngày càng kháng thuốc; Phá hủy hệ sinh thái tự nhiên; Ô nhiễm môi trường sống; Ngô độc thuốc bảo vệ thực vật, chất kích thích tăng trưởng ở người; Nền nông nghiệp phát triển thiếu bền vững... Vì vậy, thời gian gần đây,

cả thế giới đều hướng đến sản xuất và tiêu dùng sản phẩm nông nghiệp sạch, an toàn, trong đó, nông nghiệp hữu cơ là một trong những lựa chọn có ý nghĩa quan trọng.

Nông nghiệp hữu cơ là một hình thức canh tác nông nghiệp tránh hoặc loại bỏ phần lớn việc sử dụng phân bón tổng hợp, thuốc trừ sâu, các chất kích thích tăng trưởng của cây trồng và các chất phụ gia có hại trong chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy hải sản. Nông nghiệp hữu cơ chính là giải pháp lớn để hướng tới nền sản xuất nông nghiệp bền vững về môi trường, hệ sinh thái tự nhiên, công bằng xã hội và sức khỏe của người sản xuất và người tiêu dùng. Theo

Liên đoàn Quốc tế các Phong trào Nông nghiệp Hữu cơ (IFOAM): “Vai trò của nông nghiệp hữu cơ, dù cho trong canh tác, chế biến, phân phối hay tiêu dùng, là nhằm mục đích duy trì sức khỏe của hệ sinh thái và các sinh vật từ các sinh vật có kích thước nhỏ nhất sống trong đất đến con người” [1].

Sự khác biệt rõ nhất giữa các loại sản phẩm hữu cơ với sản phẩm sạch, an toàn khác là quy trình sản xuất: Sản xuất các sản phẩm hữu cơ không sử dụng phân hoá học, thuốc trừ sâu, chất kích thích tăng trưởng, nguồn thức ăn trong chăn nuôi là hoàn toàn từ sản phẩm tự nhiên. Trong khi quy trình sản xuất sản phẩm nông nghiệp sạch, an toàn vẫn được phép sử dụng một lượng nhất định thuốc trừ sâu và phân bón hoá học, thức ăn tăng trọng và các chất kích thích trong chăn nuôi với liều lượng và thời gian đảm bảo an toàn đối với sức khoẻ con người.

Nông dân toàn thế giới, trong đó có Việt Nam, đều chọn sản xuất nông nghiệp hữu cơ vì sức khỏe của chính bản thân họ, môi trường tốt hơn, thu nhập cao hơn, thực phẩm an toàn hơn.

Người tiêu dùng chọn sản phẩm nông nghiệp hữu cơ vì sản phẩm hữu cơ không có tồn dư các chất hoá học, thuốc trừ sâu, chất kích thích tăng trưởng, kháng sinh trong sản phẩm làm ảnh hưởng đến sức khỏe của bản thân và thế hệ tương lai; hơn nữa, sản phẩm hữu cơ có hương vị ngon hơn, dinh dưỡng tốt hơn, bảo quản được lâu hơn và gần với sản phẩm tự nhiên hơn.

## 2. Nhận thức chung về nông nghiệp hữu cơ

Theo Liên đoàn Quốc tế các Phong trào Nông nghiệp Hữu cơ (IFOAM): “Nông nghiệp hữu cơ là hệ thống đồng bộ hướng tới thực hiện các quá trình với kết quả đảm bảo hệ sinh thái bền vững, thực phẩm an toàn, dinh dưỡng tốt, nhân đạo với động vật và công bằng xã hội, không sử dụng các hoá chất nông nghiệp tổng hợp và các chất sinh trưởng phi hữu cơ, tạo điều kiện cho sự chuyển hoá khép kín trong hệ canh tác, chỉ được sử dụng các nguồn hiện có trong nông trại và các vật tư theo tiêu chuẩn của quy trình sản xuất” [1].

Theo Bộ tiêu chuẩn TCVN 11041-1:2017 về Nông nghiệp hữu cơ định nghĩa: “Nông nghiệp hữu cơ là hệ thống quản lý sản xuất toàn diện nhằm đẩy mạnh và tăng cường sức khỏe của hệ sinh thái nông nghiệp bao gồm cả đa dạng sinh học, các chu trình sinh học và năng suất sinh học. Nông nghiệp hữu cơ nhấn mạnh việc quản lý các hoạt động canh tác, giảm thiểu việc dùng vật tư, nguyên liệu đầu vào từ bên ngoài cơ sở và có tính đến các điều kiện từng vùng, từng địa phương” [2].

Nông nghiệp hữu cơ phải đáp ứng các mục tiêu sau đây: Áp dụng sản xuất hữu cơ lâu dài, bền vững theo hướng sinh thái và có tính hệ thống. Đảm bảo độ phì của đất lâu dài và dựa trên đặc tính sinh học của đất. Giảm thiểu và tránh dùng vật tư, nguyên liệu đầu vào là chất tổng hợp trong mọi giai đoạn của chuỗi sản xuất hữu cơ cũng như sự phơi nhiễm của con người và môi trường đối với các hóa chất bền hoặc có nguy cơ gây hại. Giảm thiểu việc gây ô nhiễm từ các hoạt động sản xuất đến môi trường xung quanh. Không sử dụng các công nghệ không có nguồn gốc tự nhiên (ví dụ: các sản phẩm từ kỹ thuật biến đổi gen, công nghệ chiếu xạ,...). Tránh bị ô nhiễm từ môi trường xung quanh. Duy trì tính chất hữu cơ trong suốt quá trình sản xuất, sơ chế, chế biến, bao gói, bảo quản và vận chuyển.

Nông nghiệp hữu cơ phải đảm bảo 4 nguyên tắc chung: (i) Nguyên tắc sức khỏe: Nông nghiệp hữu cơ cần duy trì và nâng cao sức khỏe của đất, thực vật, động vật, con người và trái đất như một thực thể thống nhất, trọn vẹn và không tách rời; (ii) Nguyên tắc sinh thái: Nông nghiệp hữu cơ cần dựa trên các hệ sinh thái sống và các chu trình tự nhiên, vận hành phù hợp với chúng, tuân thủ các quy tắc của chúng và giúp bảo vệ tính toàn vẹn và hài hòa của chúng; (iii) Nguyên tắc công bằng: Nông nghiệp hữu cơ cần xây dựng trên các mối quan hệ đảm bảo tính công bằng đối với môi trường chung và đảm bảo cơ hội sống cho mọi sinh vật; (iv) Nguyên tắc cẩn trọng: Nông nghiệp hữu cơ cần được quản lý một cách thận trọng và có trách nhiệm để bảo vệ sức khỏe và phúc lợi của các thế hệ hiện tại, tương lai và của môi trường.

Ngoài nguyên tắc chung, trong từng ngành, từng khâu, thậm chí từng sản phẩm lại có nguyên tắc riêng cụ thể cần được tuân thủ và yêu cầu cần đảm bảo.

Trồng trọt hữu cơ có các nguyên tắc cụ thể như sau: (i) Duy trì và tăng cường độ phì của đất tự nhiên, sự ổn định và độ tơi xốp của đất, chống xói mòn đất và giúp cây trồng hấp thu dinh dưỡng chủ yếu thông qua hệ sinh thái đất; (ii) Giảm thiểu việc sử dụng các nguồn tài nguyên không tái tạo và các vật tư, nguyên liệu đầu vào không có nguồn gốc nông nghiệp; (iii) Tái chế chất thải và phụ phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật làm nguyên liệu đầu vào cho trồng trọt, có tính đến cân bằng sinh thái tại khu vực sản xuất; (iv) Duy trì sức khỏe của cây trồng bằng các biện pháp phòng ngừa, ví dụ: Lựa chọn loài và giống cây trồng kháng sâu bệnh phù hợp, sử dụng biện pháp luân canh thích hợp, sử dụng phương pháp cơ học và vật lý thích hợp, bảo vệ thiên địch của sinh vật gây hại.

Ngoài việc tuân thủ các nguyên tắc, trồng trọt hữu cơ phải đảm bảo 10 yêu cầu cụ thể gồm: Khu vực trồng trọt; Chuyển đổi sang sản xuất hữu cơ; Duy trì sản xuất hữu cơ; Quản lý hệ sinh thái và đa dạng sinh học; Lựa chọn loài và giống cây trồng; Quản lý đất; Quản lý nước; Quản lý phân bón; Quản lý sinh vật gây hại; Kiểm soát ô nhiễm.

Chăn nuôi hữu cơ cần thực hiện các nguyên tắc cụ thể: (i) Duy trì và tăng cường độ phì của đất tự nhiên, sự ổn định và độ tơi xốp của đất, chống xói mòn đất; (ii) Giảm thiểu việc sử dụng các nguồn tài nguyên không tái tạo và các vật tư, nguyên liệu đầu vào không có nguồn gốc nông nghiệp; (iii) Tái chế các chất thải và phụ phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật làm nguyên liệu đầu vào cho chăn nuôi; (iii) Có tính đến cân bằng sinh thái tại khu vực sản xuất; (iv) Duy trì sức khỏe động vật bằng cách khuyến khích bảo vệ miễn dịch tự nhiên của động vật, cũng như lựa chọn giống vật nuôi và phương thức chăn nuôi thích hợp; (v) Sử dụng phương thức chăn nuôi phù hợp với khu vực chăn nuôi; (vi) Đảm bảo quyền động vật theo các nhu cầu cụ thể của từng

loài vật nuôi; (vii) Khuyến khích sản xuất các sản phẩm từ động vật được nuôi hữu cơ ngay từ khi mới sinh và trong toàn bộ quãng thời gian sống; (viii) Lựa chọn giống vật nuôi theo khả năng thích ứng của vật nuôi với điều kiện địa phương, sức sống và khả năng đề kháng với bệnh tật hoặc các vấn đề sức khỏe; (ix) Sử dụng thức ăn chăn nuôi hữu cơ chứa các thành phần thu được từ canh tác hữu cơ, trong trường hợp sử dụng các thành phần không có nguồn gốc nông nghiệp thì các thành phần này phải có nguồn gốc thiên nhiên; (x) Áp dụng các biện pháp chăn nuôi, tăng cường hệ thống miễn dịch và tăng cường phòng vệ tự nhiên chống lại bệnh tật, đặc biệt là cho vật nuôi vận động thường xuyên và cho tiếp cận các khu vực ngoài trời và đồng cỏ, khí thích hợp. Trong chăn nuôi hữu cơ phải đảm bảo 6 yêu cầu chặt chẽ, gồm: Khu vực chăn nuôi; Giống vật nuôi; Thức ăn chăn nuôi; Quản lý sức khỏe vật nuôi; Quản lý cơ sở chăn nuôi; Quản lý phân và chất thải.

Quá trình sơ chế, chế biến, bảo quản, đóng gói, vận chuyển,... phải đảm bảo nguyên tắc chung là: Duy trì sự toàn vẹn hữu cơ của sản phẩm. Các cơ sở phải có các biện pháp để ngăn ngừa ô nhiễm và ngăn ngừa việc trộn lẫn sản phẩm hữu cơ với sản phẩm không hữu cơ; Phải tuân thủ thực hành vệ sinh tốt. Chỉ được phép sử dụng các công nghệ, kỹ thuật, phụ gia được quy định cụ thể, không làm ảnh hưởng đến sự toàn vẹn hữu cơ của sản phẩm [2].

Như vậy, nông nghiệp hữu cơ là tập hợp hệ thống quản lý toàn diện từ sản xuất - chế biến - lưu thông - phân phối sản phẩm nông nghiệp nhằm đẩy mạnh và tăng cường sức khỏe của đất đai, hệ sinh thái nông nghiệp bao gồm cả đa dạng sinh học, các chu trình sinh học và năng suất sinh học. Nông nghiệp hữu cơ nhấn mạnh việc quản lý các hoạt động canh tác, chế biến, lưu thông giảm thiểu việc dùng vật tư, nguyên liệu phi hữu cơ từ bên ngoài và có tính đến các điều kiện từng vùng, từng địa phương.

Sản phẩm nông nghiệp hữu cơ là kết quả của quá trình sản xuất có yêu cầu nghiêm ngặt về kiểm soát vật tư đầu vào

trong quá trình sản xuất và kiểm soát rất chặt chẽ trong quá trình sơ chế, chế biến, bảo quản và vận chuyển. Do vậy, sản phẩm nông nghiệp hữu cơ được coi là thân thiện với môi trường, an toàn với cả người sản xuất và người tiêu dùng với chất lượng đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước và xuất khẩu.

### **3. Khái quát về sự phát triển nông nghiệp hữu cơ trên thế giới và Việt Nam**

#### **3.1. Sơ lược về phát triển nông nghiệp hữu cơ trên thế giới**

Theo thống kê của Viện Nghiên cứu Nông nghiệp hữu cơ (FIBL) và Liên đoàn Quốc tế các Phong trào Nông nghiệp Hữu cơ (IFOAM), năm 2021, toàn thế giới có hơn 71 triệu hecta canh tác hữu cơ, tương đương khoảng 1,5% tổng diện tích canh tác. Trong đó, Châu Đại dương chiếm 39%; Châu Âu 23%; Mỹ La tinh 19%; Bắc Mỹ 7%; Châu Á 9% và Châu Phi 3%. Một số quốc gia như: Mỹ, Úc và Liên minh châu Âu (EU) có tốc độ phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ rất nhanh. Và đến nay, trên thế giới có 186 quốc gia phát triển dòng sản phẩm nông nghiệp hữu cơ. Trong đó, 73% diện tích sản xuất nông nghiệp hữu cơ thế giới thuộc về 10 nước dẫn đầu. Trong đó, Úc có diện tích đất nông nghiệp hữu cơ nhiều nhất với 27,1 triệu hecta, trong đó 97% là những đồng cỏ chăn nuôi; Kế đến là Argentina 3,0 triệu hecta; Trung Quốc 2,3 triệu hecta; Mỹ 2 triệu hecta. Tại châu Á, diện tích sản xuất nông nghiệp hữu cơ khoảng 2,9 triệu hecta với 130.000 trang trại. Các quốc gia sản xuất hữu cơ lớn nhất trong khu vực: Trung Quốc, Ấn Độ, Bangladesh, Sri Lanka, Hàn Quốc và Thái Lan. Thị trường lớn nhất hiện nay là Nhật Bản và một số thị trường đang nổi lên như Trung Quốc, Malaysia, Singapore và Thái Lan. Thị trường tiêu thụ sản phẩm hữu cơ lớn nhất là Mỹ, trên 45% giá trị, tiếp đến là Đức và Pháp. Tuy nhiên, nếu tính theo đầu người thì Thụy Sĩ tiêu thụ sản phẩm hữu cơ nhiều nhất 274 Euro/đầu người/năm.

Về quy mô thị trường sản phẩm hữu cơ toàn cầu, nếu như những năm 2000 chỉ đạt trên dưới 20 tỉ đô la Mỹ thì đến năm 2010, đạt 60 tỉ đô la Mỹ và đạt khoảng 218 tỉ đô la

Mỹ vào năm 2020. Dự kiến, đến năm 2030, doanh số của thị trường sẽ vượt mức 300 tỉ đô la Mỹ [3].

Liên đoàn Quốc tế các Phong trào Nông nghiệp Hữu cơ (IFOAM) cho rằng, phát triển nông nghiệp hữu cơ là xu hướng tất yếu của nông nghiệp thế giới và xác định tầm nhìn chiến lược của nông nghiệp hữu cơ đến năm 2030, sẽ góp phần giải quyết các thách thức trong tương lai của nông nghiệp; trở thành hệ thống sử dụng đất được ưa chuộng và được lựa chọn ở nông thôn; đảm bảo an ninh lương thực và bảo vệ an toàn hệ sinh thái nhờ việc tăng cường chức năng sinh thái; sản xuất thực phẩm lành mạnh và đem lại lợi ích cho tất cả mọi người. Mặt khác, các trang trại hữu cơ không sử dụng phân bón tổng hợp mà chủ yếu dựa vào chu trình chăm sóc khép kín, giảm thiểu thiệt hại nhờ yếu tố mùa vụ nên nguy cơ phát thải nitơ oxit tại các trang trại hữu cơ thấp hơn các trang trại truyền thống. Ngoài ra, nông nghiệp hữu cơ giúp giảm thiểu 30% - 70% năng lượng để sản xuất phân bón hóa học và thuốc trừ sâu phục vụ cho nông nghiệp truyền thống. Bên cạnh đó, nông nghiệp hữu cơ phần nào giữ lại carbon trong đất, từ đó, hạn chế lượng carbon phát thải ra bầu khí quyển gây hiện tượng nóng lên toàn cầu. Vì vậy, nông nghiệp hữu cơ trở thành một giải pháp nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu bởi không sử dụng các loại phân bón hóa học làm chậm quá trình suy thoái đất và nước. Theo đó, hạn chế tình trạng biến đổi gen, tăng sự xuất hiện của các loài thiên địch với sâu bọ, mặt khác, nông dân giữ được các giống cây trồng lâu năm có khả năng chống chịu sâu bệnh và năng suất tốt.

#### **3.2. Phát triển nông nghiệp hữu cơ tại Việt Nam**

##### **Những kết quả đạt được**

Năm 1988, Hội Làm vườn Việt Nam, tổ chức ORION (Thụy Điển) đã tài trợ và tổ chức CIDSE tư vấn kỹ thuật đã xây dựng mô hình chè hữu cơ tại xã Tứ Tranh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Đây được xem là mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ tại Việt Nam sau một thời gian dài phát triển nông nghiệp phi hữu cơ. Tiếp đó, là dự án rau an toàn, lúa, cam, bưởi, chè, cá,...

tại Hà Nội (1998-2004) do Tổ chức Phát triển Nông nghiệp châu Á của Đan Mạch (ADDA) hỗ trợ. Đến năm 2004, dự án của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam phối hợp cùng tổ chức ADDA đã triển khai thực hiện thành công sản xuất nông nghiệp hữu cơ cho nhiều nhóm nông dân tại Lào Cai, Tuyên Quang, Hòa Bình,... Các sản phẩm hữu cơ được dự án hỗ trợ bao gồm: Rau hữu cơ ở Lương Sơn - Hòa Bình, Thanh Xuân - Sóc Sơn - Hà Nội; Chè Shan tuyết tại Bắc Hà - Lào Cai; Cam Hàm Yên - Tuyên Quang,...

Xuất phát từ nhu cầu phát triển nông nghiệp hữu cơ, cuối năm 2017, Bộ tiêu chuẩn Quốc gia về Nông nghiệp hữu cơ TCVN 11041 được ban hành, tiếp theo là Nghị định 109/2018-NĐCP (2018) về phát triển nông nghiệp hữu cơ. Những thay đổi trong các văn bản pháp quy và hệ thống chứng nhận hữu cơ đã mở ra hướng phát triển mới chủ động cho doanh nghiệp và người sản xuất nông nghiệp hữu cơ tại Việt Nam. Gần đây, năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt “Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030”, phân đầu đến năm 2030, đạt mục tiêu: 2,5-3% diện tích đất nông nghiệp trồng theo phương pháp hữu cơ; Diện tích đất trồng trọt hữu cơ 2% trên tổng diện tích trồng trọt; Sản phẩm chăn nuôi hữu cơ đạt 2-3% tổng sản phẩm chăn nuôi; Diện tích nuôi trồng thủy sản hữu cơ đạt 1,5-3% tổng diện tích nuôi trồng; Sản phẩm dược liệu hữu cơ đạt 80-85% trên tổng sản lượng; Giá trị sản xuất hữu cơ/1 ha đạt 1,5-1,8 lần so với sản xuất phi hữu cơ [4].

Với lịch sử canh tác hữu cơ đã hình thành từ lâu, nông nghiệp Việt Nam là ngành có lợi thế so sánh bởi tính đa dạng và quy mô sản lượng, chất lượng sản phẩm hữu cơ. Trong những năm qua, khi thị trường xuất hiện nhu cầu tiêu dùng sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, khi bản thân ngành nông nghiệp gặp khó khăn do sản xuất phi hữu cơ mang lại, khi có định hướng sản xuất nông nghiệp hữu cơ của Chính phủ, cùng với sự vào cuộc của chính quyền các cấp, nông dân, các tổ chức kinh tế, các doanh nghiệp hướng ứng, nông nghiệp hữu cơ Việt Nam đã có bước tăng trưởng khá.

Năm 2014, diện tích sản xuất nông nghiệp hữu cơ của Việt Nam đạt hơn 43.000 hecta, đứng thứ 56/172 nước trên thế giới, thứ 3 trong ASEAN (sau Indonesia và Philippines). Ngoài ra, Việt Nam còn có 20.030 hecta mặt nước cho thu hoạch sản phẩm hữu cơ, 2.200 hecta cho thu hái tự nhiên, đưa tổng diện tích nông nghiệp hữu cơ của Việt Nam lên hơn 65.000 hecta. Diện tích sản xuất nông nghiệp hữu cơ của Việt Nam tăng nhanh, năm 2016, diện tích canh tác hữu cơ đã tăng gấp 3,6 lần so với năm 2010 và đạt khoảng 77.000 hecta.

Năm 2017, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố 02 trang trại của 02 doanh nghiệp Vinamilk và TH True Milk đã đạt tiêu chí hữu cơ theo tiêu chuẩn của các tổ chức quốc tế. Cùng với 02 trang trại bò sữa của các doanh nghiệp nêu trên, hiện nay, cả nước đã có nhiều cơ sở sản xuất nông nghiệp hữu cơ với các sản phẩm nông sản đã được các tổ chức quốc tế chứng nhận và xuất khẩu thành công sang các thị trường lớn như EU, Mỹ, Trung Quốc. Bên cạnh đó, có Công ty Viễn Phú sản xuất lúa gạo và rau hữu cơ; Công ty Organic Đà Lạt sản xuất rau hữu cơ; Công ty Ecolink và Công ty Hùng Cường xây dựng hệ thống công nhận quốc tế (ICS) dựa trên mạng lưới sản xuất nông hộ chèn hữu cơ giống Shan Tuyết tại tỉnh Lào Cai và Hà Giang, Công ty Quế hồi Vinasamex của Yên Bái,... Cùng với các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp hữu cơ, trên cả nước hiện đã xuất hiện nhiều hộ gia đình tham gia sản xuất, kinh doanh theo mô hình này một cách ổn định, bền vững.

Đầu năm 2022, cả nước có khoảng 240.000 hecta canh tác hữu cơ, với sự tham gia của gần 20.000 lao động tại 46 tỉnh, thành phố. Bên cạnh đó, có khoảng 160 doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh nông nghiệp hữu cơ với kim ngạch xuất khẩu hàng năm đạt khoảng 335 triệu USD. Sản phẩm hữu cơ được tiêu thụ trong nước và xuất khẩu đến các thị trường quốc tế lớn như Nhật Bản, Anh, Mỹ, Hàn Quốc. Riêng trong lĩnh vực trồng trọt, hiện nay, cả nước có hàng trăm cơ sở sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Bến Tre hiện là tỉnh có diện

tích trồng trọt hữu cơ nhiều nhất nước với hơn 3.000 hecta, trong đó, chủ yếu là diện tích trồng dưa hữu cơ. Ninh Thuận là tỉnh có diện tích trồng trọt theo hướng hữu cơ nhiều nhất khu vực Nam Trung Bộ với gần 500 hecta cây ăn trái như nho, táo, trong đó, riêng diện tích trồng nho theo hướng hữu cơ 285 hecta. Bên cạnh đó, đã có một số địa phương sản xuất nông nghiệp hữu cơ được tổ chức nước ngoài chứng nhận như: Lào Cai, Hà Giang (tổ chức chứng nhận ATC của Thái Lan; Tiêu chuẩn EU, USDA của Mỹ); Cà Mau, Lâm Đồng (tổ chức chứng nhận Control Union của Hà Lan, tiêu chuẩn EU, USDA). Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và hộ gia đình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, áp dụng công nghệ trong sản xuất đều đạt năng suất, chất lượng sản phẩm, đảm bảo sức khỏe cho con người, an toàn cho môi trường.

#### **Những hạn chế**

Tuy đã có một số thành tựu nhất định, nông sản hữu cơ Việt Nam vẫn chiếm một tỷ trọng rất nhỏ trong tổng sản lượng nông nghiệp và giá trị xuất khẩu nông sản. Dù nhiều địa phương đã chú trọng phát triển nông nghiệp hữu cơ gắn với bảo vệ môi trường, nhưng việc khai thác hiệu quả các điều kiện tự nhiên, xã hội để phát triển loại hình này vẫn còn nhiều vấn đề. Nguyên nhân là do quy trình sản xuất nông nghiệp hữu cơ đòi hỏi khắt khe, chi phí sản xuất cao, trong khi năng suất lại thấp và thị trường tiêu thụ chưa ổn định, sản phẩm hữu cơ nhiều khi phải bán theo giá của sản phẩm thông thường. Bên cạnh đó, minh bạch về nguồn gốc, xuất xứ sản phẩm cũng là một vấn đề khiến nhiều sản phẩm hữu cơ mất uy tín trên thị trường. Ngoài ra, những hạn chế trong phát triển hệ thống chuỗi sản phẩm, xây dựng và quảng bá thương hiệu sản phẩm hữu cơ chưa được chú ý đúng mức.

Theo đánh giá của các cơ quan chức năng và của nhiều nhà khoa học, sản xuất nông nghiệp hữu cơ ở Việt Nam còn có những hạn chế như sau:

*Một là*, sản xuất nông nghiệp hữu cơ hiện nay của Việt Nam chủ yếu còn phân tán nhỏ lẻ, chưa có quy hoạch phát triển các

vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ tập trung với các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ chủ lực, hình thành các vùng sản xuất sản phẩm nông nghiệp đặc trưng có tiềm năng để xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu, chỉ dẫn địa lý và tập trung đầu tư sản xuất sản phẩm hữu cơ đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.

*Hai là*, công tác nghiên cứu phát triển ứng dụng công nghệ trong nông nghiệp hữu cơ, công tác đào tạo tập huấn, hướng dẫn thực hiện quy trình nông nghiệp hữu cơ, công tác xây dựng mô hình điểm nông nghiệp hữu cơ và nhân rộng mô hình cũng còn nhiều hạn chế.

*Ba là*, cơ chế chính sách phát triển nông nghiệp hữu cơ chưa đồng bộ, việc thực thi các chính sách đã có cũng chưa đầy đủ, còn lỏng lẻo thực hiện trong các chương trình, dự án khác như chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, liên kết sản xuất tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng...

*Bốn là*, chưa có nhiều tổ chức kiểm tra chứng nhận sản xuất hữu cơ, phần lớn việc chứng nhận hữu cơ phải thuê các tổ chức nước ngoài nên chi phí cao, khó thực hiện, nhất là với các doanh nghiệp nhỏ hoặc các hộ nông dân.

*Năm là*, công tác chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ chưa được thực hiện đồng bộ còn gặp nhiều khó khăn.

#### **4. Một số giải pháp phát triển nông nghiệp hữu cơ ở Việt Nam**

*Một là*, tiến hành quy hoạch phát triển các vùng nông nghiệp hữu cơ tập trung với quy mô đủ lớn nhằm đáp ứng nhu cầu sản phẩm nông nghiệp hữu cơ của thị trường trong nước và xuất khẩu.

Trước khi tiến hành quy hoạch, cần xác định rõ nhu cầu của thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ cụ thể. Để nông nghiệp phát triển bền vững, hiệu quả, vẫn đề đáp ứng nhu cầu thị trường trở thành yếu tố sống còn của mọi tổ chức, doanh nghiệp, mọi vùng miền. Lâu nay, trong nông nghiệp, có quan niệm “Từ ruộng tới bàn ăn”, tức là, có sản phẩm rồi tìm cách bán cho người tiêu dùng. Ngày nay, xuất hiện quan điểm ngược lại “Từ bàn ăn đến ruộng”, tức là

xuất phát từ nhu cầu của người tiêu dùng về sản phẩm, chất lượng, khối lượng, mẫu mã, kiểu dáng, giá cả, ... để người sản xuất, các nhà cung ứng tổ chức lại sản xuất để đáp ứng tối đa nhu cầu người tiêu dùng thì hàng hoá mới bán được và bán với giá cao. Đây có thể xem là vấn đề cốt lõi quyết định thành bại của sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

Trên cơ sở nắm bắt nhu cầu thị trường, các địa phương căn cứ vào lợi thế sinh thái, sản phẩm có thể mạnh với thị trường tiêu thụ, xác định các sản phẩm hữu cơ chủ lực, trên cơ sở đó, xây dựng đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ của địa phương; đánh giá lại đất đai, nguồn nước, xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ, kêu gọi các nhà đầu tư, các doanh nghiệp, hợp tác xã, các hộ dân tham gia đầu tư vào sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

Xây dựng lại hệ thống tổ chức từ sản xuất - chế biến - lưu thông - phân phối theo chuỗi giá trị, đảm bảo minh bạch, công bằng, bền vững; thực hiện nghiêm tiêu chuẩn sản xuất sản phẩm hữu cơ ở mọi khâu, mọi lúc. Những vùng sản xuất nông nghiệp hiện có thể mạnh về sản xuất nông nghiệp phi hữu cơ, có thể xây dựng đề án chuyển từng phần sang sản xuất nông nghiệp hữu cơ để nâng cao giá trị gia tăng và đảm bảo phát triển bền vững lâu dài của vùng.

Tổ chức xây dựng thương hiệu, xuất xứ hàng hoá, cấp giấy chứng nhận sản phẩm hữu cơ của vùng, tạo niềm tin cho thị trường trước mắt và lâu dài.

*Hai là*, thúc đẩy nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp hữu cơ; đào tạo, tập huấn phát triển nguồn nhân lực; xây dựng và nhân rộng mô hình điểm nông nghiệp hữu cơ.

Chuyển từ sản xuất phi hữu cơ sang sản xuất nông nghiệp hữu cơ là thay đổi căn bản về thói quen sản xuất, đặc biệt là thay đổi những yếu tố đầu vào. Vì vậy, việc nghiên cứu các chế phẩm sinh học như phân hữu cơ sinh học, tác nhân phòng trừ sâu bệnh sinh học thay thế thuốc trừ sâu bệnh trong trồng trọt, kháng sinh trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, các giống cây trồng vật nuôi kháng sâu bệnh có ý nghĩa rất quan trọng. Ngoài ra, những nghiên cứu về phục hồi

nâng cao chất lượng đất đai, bảo tồn, phục tráng, khai thác hệ sinh thái tự nhiên, nghiên cứu sản phẩm hữu cơ có tính đặc thù cũng rất quan trọng góp phần vào thành công của nông nghiệp hữu cơ.

Đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho nông nghiệp hữu cơ có ý nghĩa rất căn bản. Trước hết, cần tăng cường đào tạo chuyên gia chuyên sâu về nông nghiệp hữu cơ cả ở trung ương và địa phương. Đội ngũ này cần được đào tạo tại các cơ sở có uy tín ở trong nước hoặc được đào tạo ở nước ngoài, đây là đội ngũ cực kỳ quan trọng cho việc định hướng và thực thi chiến lược về phát triển nông nghiệp hữu cơ của đất nước. Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ công chức các cấp làm công tác quản lý, giám sát, kiểm tra các khâu của tác nhân tham gia trong chuỗi cung ứng sản phẩm nông nghiệp hữu cơ; đào tạo nâng cao năng lực chứng nhận sản phẩm hữu cơ cho các tổ chức chứng nhận trong nước; đào tạo tập huấn cho doanh nghiệp, người sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm hữu cơ là vô cùng cần thiết.

Trong thực tiễn sản xuất nông nghiệp hữu cơ của Việt Nam từ xa xưa đã có nhiều mô hình hiệu quả và gần đây nhận thấy tiềm năng, lợi ích và nhu cầu to lớn trong thị trường nông sản hữu cơ, đã có rất nhiều mô hình nông nghiệp hữu cơ ra đời và đạt được thành công đáng ghi nhận, điển hình như các mô hình: Chè Shan Tuyết - chè hữu cơ xuất khẩu đến nhiều quốc gia. Đây là mô hình sản xuất và xuất khẩu chè hữu cơ do đơn vị Ecomart đảm nhận với thương hiệu chè Shan Tuyết. Hiện, chè Shan Tuyết được sản xuất tại huyện Bắc Hà của tỉnh Lào Cai (300 ha) và huyện Quang Bình của tỉnh Hà Giang (500 ha).

Đặc điểm đặc trưng nhất trong hoạt động sản xuất chè hữu cơ của Ecolink-Ecomart là chỉ sử dụng một giống chè địa phương Shan Tuyết, sản xuất với các hộ nông dân đã đăng ký và được đào tạo. Sản phẩm của Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận Hữu cơ của tổ chức ICEA (Italia) từ năm 2009. Giá tiêu thụ chè hữu cơ sang châu Âu và Mỹ đạt khoảng 5,5-6,0 USD/kg so với 2,2-3,0 USD cho 1 kg

chè thường xuất sang thị trường Ai Cập.

Sản phẩm rau hữu cơ của Công ty Organik Đà Lạt đóng tại phường Xuân Thọ, thành phố Đà Lạt. Hiện Công ty đang sản xuất khoảng 150 chủng loại rau các loại, cung cấp cho nhiều khách sạn cao cấp tại hầu hết các thành phố lớn trong cả nước và khoảng trên 1.000 khách hàng ngoại quốc đang làm việc tại Việt Nam. Công ty cũng đang xuất khẩu sản phẩm rau hữu cơ sang thị trường Đài Bắc và một số nước khác. Sản phẩm gạo hữu cơ của Công ty Viễn Phú Green Farm đã đi đầu trong việc gia công, chế biến và sản xuất gạo hữu cơ để xuất khẩu sang thị trường Mỹ. Sản phẩm lúa gạo hữu cơ của Công ty được các tổ chức chứng nhận quốc tế theo tiêu chuẩn EU và USDA kiểm tra, giám sát và công nhận. Sản phẩm chính của Công ty là gạo hữu cơ đạt chuẩn chất lượng theo tiêu chuẩn của châu Âu và Mỹ, có các thương hiệu “Hoa Sữa trắng”, “Hoa Sữa đen”, “Hoa Sữa tím”, “Hoa Sữa đỏ”,... Cafe hữu cơ L’amant của Công ty TNHH Vĩnh Hiệp (tỉnh Gia Lai) - chủ sở hữu thương hiệu cà phê hữu cơ L’amant Cafe có bề dày trong hoạt động xuất khẩu cà phê và nằm trong top 10 doanh nghiệp trong lĩnh vực cà phê đạt doanh số xuất khẩu lớn nhất cả nước. Công ty xây dựng mạng lưới các trang trại sản xuất nguyên liệu theo mô hình hữu cơ (organic), chế biến cà phê theo tiêu chuẩn EU với công nghệ Probat nhập khẩu từ Đức. Sản phẩm đáp ứng các nhu cầu khắt khe về chất lượng từ các nước nhập khẩu, đạt tiêu chuẩn của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) với phương châm “Sạch từ nông trại đến ly cà phê” [5].

Ngoài ra, còn rất nhiều mô hình nông nghiệp hữu cơ quy mô doanh nghiệp và cả quy mô hộ gia đình, các mô hình khởi nghiệp trên toàn quốc. Các mô hình cần được các địa phương sớm tổng kết phổ biến rộng, nhân rộng để nhanh chóng phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ của địa phương.

*Ba là*, hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách và thực thi chính sách phát triển nông nghiệp hữu cơ theo hướng đồng bộ, tập trung, hiệu lực, hiệu quả.

Tiếp tục thực hiện các chính sách đã có ban hành theo Nghị định 109/2018/NĐ-CP,

hoàn thiện các văn bản pháp quy để khuyến khích các tổ chức cá nhân đầu tư vào sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

Đặc biệt cần có chính sách khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ; các mặt hàng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc hữu cơ. Đây sẽ là những doanh nghiệp có vai trò đầu tàu về việc ứng dụng những mô hình sản xuất hữu cơ chuẩn mực, chuyên giao công nghệ, kỹ thuật sản xuất đến các trang trại, hợp tác xã và hộ gia đình làm nông nghiệp,...

Ngoài ra, cũng cần có chính sách hỗ trợ, khuyến khích nghiên cứu khoa học và chuyên gia công nghệ; chính sách về đào tạo nguồn nhân lực cho nông nghiệp hữu cơ; chính sách khuyến khích tiêu dùng, xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp hữu cơ là rất cần thiết.

*Bốn là*, phát triển các tổ chức chứng nhận, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn quy chuẩn và quy trình kỹ thuật sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện thành lập và phát triển các tổ chức chứng nhận sản phẩm nông nghiệp hữu cơ theo Tiêu chuẩn Việt Nam; từng bước hình thành tổ chức chứng nhận của Việt Nam được thừa nhận bởi các quốc gia nhập khẩu, tổ chức chứng nhận quốc tế. Các tổ chức chứng nhận sản phẩm nông nghiệp hữu cơ của Việt Nam phải thực hiện đúng và nghiêm túc việc quản lý, giám sát các tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp hữu cơ do đơn vị xác nhận.

Xây dựng bổ sung các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình kỹ thuật phục vụ sản xuất và quản lý nông nghiệp hữu cơ cho từng ngành, từng mặt hàng.

Cần tăng cường hợp tác quốc tế, trao đổi kinh nghiệm, đào tạo nguồn nhân lực với các tổ chức quốc tế, các quốc gia có nền nông nghiệp hữu cơ phát triển, giúp các tổ chức, doanh nghiệp nước ta được giao lưu, học hỏi, tìm ra giải pháp thông qua các chương trình, dự án về nông nghiệp hữu cơ; tổ chức các hội thảo, diễn đàn, hội nghị, các khóa tập huấn thúc đẩy hợp tác và trao đổi kinh nghiệm.

*Năm là*, thực hiện chuyển đổi số trong

nông nghiệp hữu cơ.

Chuyển đổi số trong nông nghiệp hữu cơ là quá trình ứng dụng các công nghệ kỹ thuật số từ sản xuất đến chế biến, phân phối, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ. Điểm khác biệt cơ bản giữa nông nghiệp hữu cơ số và nông nghiệp truyền thống chính là ở việc áp dụng các công nghệ kỹ thuật số (dữ liệu lớn, điện toán đám mây, internet vạn vật,...) vào toàn bộ hoạt động của nông nghiệp hữu cơ, làm thay đổi năng suất lao động, tăng cường chất lượng sản phẩm, cách thức quản lý, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm từ truyền thống sang hiện đại và thông minh.

Chuyển đổi số trong nông nghiệp hữu cơ bao gồm các hoạt động chính: (i) Áp dụng công nghệ hiện đại trong canh tác nông nghiệp hữu cơ; (ii) Liên kết chuỗi giá trị, đặc biệt liên kết trực tiếp với người tiêu dùng; (iii) Thay đổi phương thức quản trị nông nghiệp hữu cơ.

Chuyển đổi số trong nghiệp hữu cơ hiện đang gặp không ít khó khăn: Trình độ và nhận thức của nông dân về chuyển đổi số còn hạn chế; Quy mô sản xuất nông nghiệp hữu cơ còn phân tán, nhỏ lẻ; Người dân và doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp hữu cơ nhìn chung còn thiếu vốn để thực hiện chuyển đổi số. Tất cả những khó khăn trên cần có giải pháp cụ thể bằng chính sách, cơ chế và hỗ trợ về đào tạo nguồn nhân lực và kỹ thuật để chuyển đổi số nông nghiệp hữu cơ thành công.

### **Kết luận**

Phát triển nông nghiệp hữu cơ chính là nhằm thực hiện tái cấu trúc ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng

và phát triển bền vững, thân thiện với môi trường sinh thái, thực hiện các chương trình, mục tiêu quốc gia, phát huy tiềm năng, thế mạnh về nông nghiệp hữu cơ của các vùng miền, các địa phương,... nhằm cung cấp sản phẩm nông nghiệp hữu cơ được chứng nhận phù hợp với khu vực và thế giới, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu là xu thế phát triển tất yếu của nông nghiệp Việt Nam trước mắt và tương lai.

Cùng với xu thế phát triển nông nghiệp hữu cơ của thế giới, những năm qua, được Nhà nước định hướng, nông nghiệp hữu cơ của Việt Nam đã đạt được những thành quả nhất định như: tăng nhanh diện tích, sản lượng sản phẩm, số doanh nghiệp và số người tham gia sản xuất nông nghiệp hữu cơ gia tăng; sản phẩm nông nghiệp hữu cơ của Việt Nam đã được nhiều tổ chức quốc tế chứng nhận và xuất khẩu sang thị trường của nhiều nước phát triển. Tuy nhiên, phát triển nông nghiệp hữu cơ của Việt Nam còn bộc lộ những hạn chế cả về tổ chức, cơ chế, chính sách, kỹ thuật và công nghệ cần phải được khắc phục.

Để phát triển nông nghiệp hữu cơ đạt được mục tiêu của “Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030”, phải huy động sự tham gia của các cấp, các ngành, sự tham gia của các nhà quản lý, nhà khoa học, các tổ chức quốc tế, các thành phần kinh tế, đặc biệt là các doanh nghiệp, các tổ chức, các hợp tác xã và các hộ gia đình tham gia vào quá trình sản xuất - chế biến - lưu thông - phân phối sản phẩm nông nghiệp hữu cơ.

### **Tài liệu tham khảo**

- [1]. Nông nghiệp hữu cơ là gì?, <https://globalcheck.com.vn>nong-nghiep-huu-co-la-gi>
- [2]. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11041-2017 về nông nghiệp hữu cơ, <https://thuvienphapluat.vn>TCVN>nong-nghiep>
- [3]. TS. Nguyễn Đình Đáp, TS. Phạm Thị Trâm (2022) “*Xu hướng phát triển nông nghiệp hữu cơ trên thế giới và triển vọng của Việt Nam*”, Viện Hàn lâm Khoa học và Xã hội Việt Nam, <https://tapchinganhang.gov.vn 14/11/2022>
- [4]. Chính phủ, Quyết định số 885/QĐ-TTg phê duyệt *Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030*, ngày 23/6/2020, <https://chinhphu.vn>
- [5]. Những mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ điển hình, <https://sfarm.vn>nhung-mo-hinh-san-xuat-nong-nghiep-huu-co-dien-hinh>